

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huệ Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 388/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-KDTM ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T

Trụ sở: 36A Đường A, Phường B, quận B, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim L – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh T (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/4/2021) có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A

Trụ sở: 801-803 đường S, Phường H, Quận B, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung S - Giám đốc
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2021; các Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T có bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T (gọi tắt là Công ty T) và bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A (gọi tắt là Công ty T.A) có ký Hợp đồng kinh tế số 186/2017/HĐKT/TL-AB ngày 21/11/2017. Theo Hợp đồng thì nguyên đơn cung cấp bê tông nhựa cho bị đơn với giá trị hợp đồng tạm tính là 581.200.000 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu hai trăm ngàn đồng). Giá trị chính xác sẽ được căn cứ vào khối lượng hành hóa giao nhận thực tế giữa các bên.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn Công ty T đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho bị đơn Công ty T.A theo như hợp đồng và các bên đã có Bảng đối chiếu khối lượng – công nợ ngày 27/11/2017. Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 522.516.000 đồng, Công ty T.A đã thanh toán được 485.000.000 đồng. Công ty T.A còn nợ Công ty T số tiền 37.516.000 đồng.

Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty T.A thực hiện nghĩa vụ thanh toán vào các ngày 15/5/2019 và công văn ngày 19/10/2020. Tuy nhiên, Công ty T.A mới chỉ thanh toán số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 20/01/2020 và số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 18/01/2021. Như vậy, hiện nay Công ty T.A còn nợ số tiền là 22.516.000 đồng. Mặc dù, Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty T.A thực hiện việc trả nợ số tiền còn lại nhưng bị đơn vẫn không hợp tác thanh toán.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của nguyên Công ty T nên đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T số tiền 36.698.418 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 22.516.000 đồng; Lãi chậm thanh toán 10%/năm (tạm tính đến ngày 28/4/2022) là: 14.182.418 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T có bà Nguyễn Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc. Đối với yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán thì tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm. Cụ thể các yêu cầu nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết gồm:

Buộc Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T số tiền 35.402.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 22.516.000 đồng; Lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (tính đến ngày 20/5/2021) là: 12.886.317 đồng.

Yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A phải thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, buộc bị đơn tiếp tục trả tiền lãi kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 22.516.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi chậm thanh toán: Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm, cụ thể lãi chậm thanh toán tính đến ngày 20/5/2022 là 12.886.317 đồng. Mức lãi suất này là có lợi cho bị đơn. Xét mức lãi suất này là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và mức lãi suất này là có lợi cho bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A có trụ sở tại Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

Xét bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 186/2017/HĐKT/TL-AB ngày 21/11/2017 được lập thành văn bản và được ký kết giữ nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T và bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A.

Theo quy định khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại quy định về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa: *“1. Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”*

Căn cứ theo quy định nêu trên thì về hình thức của Hợp đồng kinh tế số 186/2017/HĐKT/TL-AB ngày 21/11/2017 là phù hợp theo quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý với các bên ký kết.

Căn cứ theo Biên bản đối chiếu khối lượng – công nợ ngày 27/11/2017 thì Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A xác nhận còn nợ Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T số tiền 37.516.000 đồng.

Căn cứ điểm 2.3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế ngày 21/11/2017 các bên có thỏa thuận: *“Sau khi bên B giao hàng xong, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận khối lượng hàng hóa giao nhận, bên A thanh toán phần còn lại cho bên B trong vòng 5 ngày kể từ ngày giao hàng xong”*.

Điều 50 Luật Thương mại có quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”*

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thì các bên thỏa thuận bên *“bên A thanh toán phần còn lại cho bên B trong vòng 5 ngày kể từ ngày giao hàng xong”*. Xét thấy, bị đơn Công ty T.A đã nhận hàng hóa và các bên đã có Biên bản đối chiếu khối lượng – công nợ ngày 27/11/2017 bị đơn mới thanh toán số tiền 485.000.000 đồng và còn nợ số tiền 37.516.000 đồng. Đến ngày 20/01/2020 bị đơn thanh toán thêm được số tiền 5.000.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 18/01/2021. Như vậy, Công ty T.A còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc 22.516.000 đồng. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 22.516.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán.

Xét, bị đơn Công ty T.A còn nợ nguyên đơn Công ty T số tiền nợ gốc 22.516.000 đồng.

Tại điểm 2.3 Điều 3 của Hợp đồng kinh tế ngày 21/11/2017 các bên có thỏa thuận: *“Nếu bên A thanh toán trễ hạn, thì phần giá trị thanh toán trễ hạn sẽ tính thêm lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán”*

Căn cứ theo Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán ... thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả”*

Căn cứ theo quy định của pháp luật và theo Hợp đồng kinh tế các bên ký kết có thỏa thuận việc tính lãi chậm thanh toán. Nay, Nguyên đơn chỉ đề nghị áp dụng

mức lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm, cụ thể lãi chậm thanh toán tính đến ngày 20/5/2022 là 12.886.317 đồng. Xét mức lãi suất này là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và mức lãi suất này là có lợi cho bị đơn. Do đó, yêu cầu trả số tiền lãi là 12.886.317 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 24, Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại;

Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A phải trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T số tiền 35.402.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 22.516.000 đồng; Lãi chậm thanh toán (tính đến ngày 20/5/2021) là: 12.886.317 đồng.

Yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh Vận tải Xây dựng T.A phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng Cầu Đường T số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai số AA/2019/0033129 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huệ Chi